KS - CT

ỦY BAN NHÂN DÂN **THỊ XÃ AN KHÊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 296 /BC-UBND	*An Khê, ngày* 15 *tháng* 04 *năm 2022*

BÁO CÁO
Công khai tình hình thực hiện thu, chi ngân sách quý I năm 2022

Kính gửi:
- Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Sở Tài chính tỉnh Gia Lai.

Thực hiện Luật ngân sách số 83/2015/QH13, ngày 25 tháng 6 năm 2015; Thông tư 343/2016/TT-BTC, ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách, Ủy ban nhân dân thị xã báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách quý I năm 2022 theo các nội dung và biểu mẫu như sau:

1. Thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách quý I năm 2022.

2. Cân đối ngân sách thị xã quý I năm 2022 theo biểu số 93/CK-NSNN.

3. Thực hiện thu ngân sách nhà nước quý I năm 2022 theo biểu số 94/CK-NSNN.

4. Thực hiện chi ngân sách thị xã quý I năm 2022 theo biểu số 95/CK-NSNN.

Trên đây là báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách quí I năm 2022./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- TT Thị ủy;
- TT HĐND thị xã;
- Chủ tịch, PCT UBND thị xã;
- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể thuộc thị xã;
- Cổng TTĐT thị xã;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, TCKH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Hùng Vỹ

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN KHÊ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THUYẾT MINH

Tình hình thực hiện thu, chi ngân sách quý I năm 2022

(Đính kèm báo cáo số 296/BC-UBND, ngày 15 tháng 04 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thị xã An Khê)

I. Tình hình thu ngân sách quý I năm 2022:

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thực hiện quý I năm 2022 là 56.165,49 triệu đồng, đạt 43,55% so với dự toán tỉnh giao và đạt 29,97% so với dự toán HĐND thị xã giao, tăng 107,63% so với cùng kỳ. Một số kết quả thực hiện thu ngân sách đạt được cụ thể như sau:

1. Thu từ doanh nghiệp nhà nước: 49,45 triệu đồng, đạt 9,89% dự toán giao, giảm 31,73% so với cùng kỳ năm trước.

2. Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 6.691,52 triệu đồng đạt 23,07% dự toán tỉnh giao và đạt 21,50% dự toán HĐND thị xã giao, giảm 6,72% so với cùng kỳ.

3. Thuế thu nhập cá nhân: 1.761,83 triệu đồng, đạt 17,62% dự toán tỉnh giao và đạt 16,67% dự toán HĐND thị xã giao, giảm 36,45% so với cùng kỳ năm trước.

4. Lệ phí trước bạ: 3.197,80 triệu đồng, đạt 29,07% dự toán được giao, tăng 39,32% so với cùng kỳ năm trước.

5. Thu phí, lệ phí: 1.781,70 triệu đồng, đạt 37,12% dự toán được giao, giảm 6,86% so với cùng kỳ.

6. Các khoản thu về nhà, đất: 40.286,87 triệu đồng, đạt 60,71% dự toán tỉnh giao và 32,99% dự toán HĐND thị xã giao, tăng 269,18% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó một số khoản thu chủ yếu như:

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 105,80 triệu đồng, đạt 13,22% so với dự toán.

- Thu tiền sử dụng đất: 39.657,34 triệu đồng, đạt 60,71% dự toán tỉnh giao và 33,05%% dự toán HĐND thị xã giao, tăng 282,46% so với cùng kỳ năm trước.

- Tiền cho thuê mặt đất, cho thuê mặt nước: 523,41 triệu đồng, đạt 227,57% dự toán tỉnh giao và đạt 40,26% dự toán HĐND thị xã giao, tăng 56,67% so với cùng kỳ năm trước.

7. Thu khác ngân sách: 2.396,32 triệu đồng, đạt 36,75% so với dự toán, tăng 136,02% so với cùng kỳ.

*** Đánh giá tình hình thực hiện thu:**

Nhìn chung 3 tháng đầu năm số thu ngân sách trên địa bàn đạt dự toán được giao tuy nhiên nếu loại trừ thu tiền sử dụng đất thì không đạt tiến độ thu ngân sách, do ảnh hưởng tình hình dịch bệnh bắt đầu từ tháng 1/2022 một số hộ kinh doanh phải tạm ngừng, nghỉ kinh doanh, hàng hóa tiêu thụ chậm, thuế GTGT của các doanh nghiệp phát sinh ít.

II. Tình hình chi ngân sách thị xã quý I năm 2022:

Tổng chi ngân sách thị xã quý I năm 2022 là 87.730,62 triệu đồng, đạt 22,91% so với dự toán tỉnh giao và đạt 20,13% dự toán HĐND thị xã giao, tăng 34,35% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể một số nhiệm vụ chi:

1. Chi cân đối ngân sách thị xã: 56.307,11 triệu đồng, đạt 18,75% so với dự toán tỉnh giao và 14,98% dự toán HĐND thị xã giao, giảm 31,37% so với cùng kỳ, trong đó:

a. Chi đầu tư phát triển: 21.951,56 triệu đồng, đạt 26,81% dự toán tỉnh giao và 16,75% dự toán HĐND thị xã giao.

b. Chi thường xuyên: 64.229,08 triệu đồng, đạt 21,91% so với dự toán tỉnh giao và đạt 21,79% dự toán HĐND thị xã giao, tăng 20,68% so với cùng kỳ. Cơ bản đảm bảo những nhu cầu chi thiết yếu như tiền lương, an sinh xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh trên địa bàn và những nhu cầu chi thiết yếu khác....

c. Chi dự phòng: 474,18 triệu đồng, đạt 6,20% so với dự toán tỉnh giao và đạt 4,86% dự toán HĐND thị xã giao, các nội dung chi dự phòng chủ yếu cho các nội dung phát sinh đột xuất trong năm chưa được bố trí từ đầu năm, chi cho công tác phòng chống dịch Covid-19.

2. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên: 1.055,80 triệu đồng, đạt 451,20% so với dự toán.

*** Đánh giá tình hình thực hiện chi:**

Nhìn chung, kết quả thực hiện cân đối giữa nguồn thu và nhiệm vụ chi ngân sách thị xã quý I năm 2022 đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch đề ra, công tác quản lý, điều hành chi tiêu ngân sách thực hiện đúng quy định, đảm bảo được các nhiệm vụ chi theo dự toán Hội đồng Nhân dân thị xã giao.

UBND THỊ XÃ AN KHÊ

Biểu số 93/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ QUÝ I NĂM 2022

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm		Thực hiện quý I năm 2022	So sánh ước thực hiện với (%)		
					Dự toán năm		Cùng kỳ năm trước
		Tỉnh giao	HĐND giao		Tỉnh giao	HĐND giao	
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2	6
A	**TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**382.864,00**	**435.836,00**	**149.645,98**	**39,09%**	**34,34%**	**151,84%**
I	**Thu cân đối NSNN**	**114.843,00**	**167.815,00**	**49.098,97**	**42,75%**	**29,26%**	**199,41%**
1	Thu nội địa	114.843	167.815	49.098,97	42,75%	29,26%	199,41%
2	Thu viện trợ				-	-	-
II	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**			**17.875,14**	**-**	**-**	**228,22%**
III	**Thu kết dư ngân sách**			-	**-**	**-**	**-**
IV	**Thu quản lý qua NS**			-	**-**	**-**	**0,00%**
V	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	268.021	268.021	82.671,87	**30,85%**	**30,85%**	**125,25%**
B	**TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ**	**382.864,00**	**435.836,00**	**87.730,62**	**22,91%**	**20,13%**	**134,35%**
I	**Tổng chi cân đối ngân sách thị xã**	**382.630,00**	**435.602,00**	**86.654,82**	**22,65%**	**19,89%**	**153,90%**
1	Chi đầu tư phát triển	81.867,00	131.074,00	21.951,56	26,81%	16,75%	731,91%
2	Chi thường xuyên	293.110,00	294.762,00	64.229,08	21,91%	21,79%	120,68%
3	Dự phòng ngân sách	7.653,00	9.766,00	474,18	6,20%	4,86%	559,80%
II	**Chi từ nguồn QLQNS**			-	-	-	-
III	**Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh**	**234,00**	**234,00**	**1.055,80**	**451,20%**	**451,20%**	**11,74%**
IV	**Chi chuyển nguồn**			-	**-**	**-**	**-**
V	**Chi nộp ngân sách cấp trên**			**20,00**	**-**	**-**	**-**

UBND THỊ XÃ AN KHÊ

Biểu số 94/CK-NSNN

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2022

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm		Thực hiện quý I năm 2022	So sánh ước thực hiện với (%)		
		Tỉnh giao	HĐND giao		Dự toán năm		Cùng kỳ năm trước
					Tỉnh giao	HĐND giao	
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2	6
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**128.975,00**	**187.415,00**	**56.165,49**	**43,55%**	**29,97%**	**207,63%**
I	**Thu nội địa**	**128.975,00**	**187.415,00**	**56.165,49**	**43,55%**	**29,97%**	**207,63%**
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	500,00	500,00	49,45	9,89%	9,89%	68,27%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			-	-	-	-
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	29.000,00	31.125,00	6.691,52	23,07%	21,50%	93,28%
4	Thuế thu nhập cá nhân	10.000,00	10.570,00	1.761,83	17,62%	16,67%	63,55%
5	Thuế bảo vệ môi trường		-	-	-	-	-
6	Lệ phí trước bạ	11.000,00	11.000,00	3.197,80	29,07%	29,07%	139,32%
7	Thu phí, lệ phí	4.800,00	4.800,00	1.781,70	37,12%	37,12%	93,14%
8	Các khoản thu về nhà, đất	66.355,00	122.100,00	40.286,87	60,71%	32,99%	369,18%
-	*Thuế sử dụng đất nông nghiệp*		-	*0,32*	-	-	*9,24%*
-	*Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp*	*800,00*	*800,00*	*105,80*	*13,22%*	*13,22%*	*51,37%*
-	*Thu tiền sử dụng đất*	*65.325,00*	*120.000,00*	*39.657,34*	*60,71%*	*33,05%*	*382,46%*
-	*Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước*	*230,00*	*1.300,00*	*523,41*	*227,57%*	*40,26%*	*156,67%*
-	*Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước*		-	-	-	-	-
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		-	-	-	-	-
10	Thu khác ngân sách	6.520,00	6.520,00	2.396,32	36,75%	36,75%	136,02%
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác		-	-	-	-	0,00%
12	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	800,00	800,00	-	0,00%	0,00%	-
13	Thu huy động đóng góp			-	-	-	0,00%
II	**Thu viện trợ**			-	-	-	-
B	**THU NGÂN SÁCH THỊ XÃ ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP**	**318.723,00**	**394.323,00**	**149.645,98**	**46,95%**	**37,95%**	**151,84%**
1	Từ các khoản thu phân chia			-	-	-	-
2	Các khoản thu ngân sách thị xã được hưởng 100%	318.723,00	394.323,00	149.645,98	46,95%	37,95%	151,84%

UBND THỊ XÃ AN KHÊ

Biểu số 95/CK-NSNN

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ QUÝ I NĂM 2022

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm		Thực hiện quý I năm 2022	So sánh ước thực hiện với (%)		
		Tỉnh giao	HĐND giao		Dự toán năm		Cùng kỳ năm trước
					Tỉnh giao	HĐND giao	
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2	6
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	**382.864,00**	**435.836,00**	**87.730,62**	**22,91%**	**20,13%**	**134,35%**
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ**	**382.630,00**	**435.602,00**	**86.654,82**	**22,65%**	**19,89%**	**153,90%**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**81.867,00**	**131.074,00**	**21.951,56**	**26,81%**	**16,75%**	**731,91%**
II	**Chi thường xuyên**	**293.110,00**	**294.762,00**	**64.229,08**	**21,91%**	**21,79%**	**120,68%**
	Trong đó:			-	-	-	-
1	Chi an ninh quốc phòng		8.811,86	2.521,65	-	28,62%	72,49%
2	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	138.381,00	138.381,00	26.795,83	19,36%	19,36%	100,61%
3	Chi khoa học và công nghệ	500,00	500,00	-	0,00%	0,00%	-
4	Chi y tế, dân số và gia đình			-	-	-	-
5	Chi văn hóa thông tin		5.224,00	631,07	-	12,08%	62,17%
6	Chi phát thanh, truyền hình		360,00	14,61	-	4,06%	68,86%
7	Chi thể dục thể thao		1.521,00	19,65	-	1,29%	131,00%
8	Chi bảo vệ môi trường		6.386,00	832,58	-	13,04%	10742,96%
9	Chi hoạt động kinh tế		22.753,00	3.822,51	-	16,80%	141,52%
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn		72.447,44	18.233,97	-	25,17%	108,02%
11	Chi bảo đảm xã hội		26.606,70	7.802,56	-	29,33%	315,90%
12	Chi khác		1.239,00	3.554,64	-	286,90%	-
13	Chi cải cách tiền lương		10.532,00		-	0,00%	-
III	**Dự phòng ngân sách**	**7.653,00**	**9.766,00**	**474,18**	**6,20%**	**4,86%**	**559,80%**
B	**CHI TỪ NGUỒN THU QUẢN LÝ QUA NGÂN SÁCH**	-		-	-	-	-
1	Chi học phí			-	-	-	-
2	Chi lâm luật			-	-	-	-
3	Chi QLQNS khác			-	-	-	-
C	**CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN**	**234,00**	**234,00**	**1.055,80**	**451,20%**	**451,20%**	**11,74%**
1	Chương trình mục tiêu quốc gia			-	-	-	-
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư			-	-	-	-
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	234,00	234,00	1.055,80	451,20%	451,20%	11,74%
D	**CHI CHUYỂN NGUỒN**			-	-	-	-
E	**CHI NỘP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN**			**20,00**	-	-	-